

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/12/2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Quốc Dũng**

2. Bà **Nguyễn Hải Anh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lữ Cẩm Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
ông **Lâm Sến** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18B/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB- TA, ngày 23/11/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hồ Thị B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chị B có mặt tại phiên tòa

2. **Bị đơn:** Anh **Hồ Út E**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Anh E vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị B trình bày:

Nguyên chị và anh Hồ Út E chung sống với nhau từ năm 2010, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10 tháng 6 năm 2013. Qua thời gian chung sống vợ chồng chị có với nhau 02 người con chung tên Hồ Kim Ng, sinh ngày 05/5/2011 và Hồ Ngọc Th, sinh ngày 31/7/2015. Về tài sản chung và nợ chung chị B xác nhận không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống những năm đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nhưng vì thương con nên chị cố hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy bản thân chị rất muốn duy trì cuộc hôn nhân này để chăm lo cho các con, nhưng mọi cố gắng không thành, vì vậy mà chị với anh E đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị và anh E không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh E.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 con là cháu Hồ Kim Ng, sinh ngày 05/5/2011, cháu Hồ Ngọc Th, sinh ngày 31/7/2015 và yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn anh Hồ Út E:** Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh Hồ Út E vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Hồ Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh E; đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì chị tự nguyện xin rút lại, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị B khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Hồ Út E đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh E cư trú tại ấp H, xã M, huyện C nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Hồ Út E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa chị Hồ Thị B đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 chị Hồ Thị B và anh Hồ Út E đi đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10 tháng 6 năm 2013, do đó quan hệ hôn nhân chị B và anh E là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B thấy rằng: Theo chị Hồ Thị B trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Hồ Út E thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì cả hai bên chị và anh E không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau và hiện nay chị không còn tình cảm với anh E. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh E không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị B đối với anh Hồ Út E theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị B và anh Út E có 02 người con chung là Hồ Kim Ng, sinh ngày 05/5/2011 và Hồ Ngọc Th, sinh ngày 31/7/2015, hiện nay các con đang sống cùng với chị B. Nay chị B có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh E phải cấp dưỡng nuôi con, đối với anh E mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án để anh E biết, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị B và cũng không có yêu cầu gì khác. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay các con do chị B chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay chị B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con, vì vậy xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị Bông nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị B trình bày trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này cũng đã được thông báo cho anh E trong Thông báo thụ lý vụ án, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác hay có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa chị B xin được rút lại yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.0000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được thể hiện trong đơn khởi kiện. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét. Đối với việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án sẽ khắc phục trong thời gian tới.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị B được ly hôn với anh Hồ Út E

2. Về con chung: Giao 02 người con chung Hồ Kim Ng, sinh ngày 05/5/2011, cháu Hồ Ngọc Th, sinh ngày 31/7/2015 cho chị Hồ Thị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; chị B tự nguyện không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Út E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002119 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hồ Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hồ Út E vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ánh Tuyết